TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **184**/2019/HC-PT
Ngày: 17-10-2019
V/v: *"Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phước Thanh**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Lê Phước Thạnh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 185/2019/TLPT-HC ngày 08 tháng 8 năm 2019 về: *"Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do bản án hành chính sơ thẩm số 18/2019/HC-ST ngày 19-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1217/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm 2, thôn H1, xã A1, huyện A, tỉnh Bình Định - Có mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông **Đỗ Tùng L** – Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A – Có đơn xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. **UBND xã A1, huyện A, tỉnh Bình Định**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Nam T** – Chức vụ: Phó chủ

tịch UBND xã A1 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. **Bà Nguyễn Thị T1** - Vắng mặt.

3.3. Ông **Nguyễn Minh P** - Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm 4, thôn H1, xã A1, huyện A, tỉnh Bình Định.

3.4. Chị **Trương Thị Thúy S** - Vắng mặt.

3.5. Chị **Trương Thị M** - Vắng mặt.

3.6. Anh **Trương Hữu H2** - Vắng mặt.

3.7. Anh **Trương Hữu V** - Có đơn xin xét xử vắng mặt (*Đơn ngày 10/10/2019*).

3.8. Anh **Trương Hữu T2** - Vắng mặt.

3.9. Ông **Trương Minh H3** - có mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm 2, thôn H1, xã A1, huyện A, tỉnh Bình Định.

3.10. Ông **Nguyễn Minh H4** - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H5, thị trấn A2, huyện A, tỉnh Bình Định.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện – bà **Nguyễn Thị H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của bà Nguyễn Thị H trình bày:

Thửa đất số 248, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại thôn H1, xã A1, huyện A, tỉnh Bình Định (viết tắt là thửa đất số 248) có nguồn gốc là của cha mẹ bà khai hoang, phục hóa từ năm 1972 để trồng cây mì, lang xen kẽ trồng dừa. Mẹ bà chết năm 1976, cha bà chết năm 1981; cha mẹ bà chết không để lại di chúc; cha mẹ bà có 3 người con là Nguyễn Thị H, Nguyễn Minh P, Nguyễn Minh H4.

Sau khi cha mẹ bà chết, bà tiếp tục quản lý, sử dụng đất cho đến năm 1983 thì bà lấy chồng; vợ chồng ông Nguyễn Minh P ở gần đó tiếp tục trông coi thửa đất nói trên. Năm 1999-2000, gia đình bà có đề nghị các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 248 nhưng cán bộ địa chính xã A1 trả lời là đất mộ nên không cấp sổ được.

Năm 2016, bà Nguyễn Thị T1 kéo lưới B40 rào thửa đất số 248 thì bà phát hiện, ngăn cản và đã thực hiện khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã A1, huyện A, tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND xã A1) và Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND huyện A).

Ngày 24/9/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định (viết tắt là Chủ tịch UBND huyện A) ban hành Quyết định số 2505/QĐ- UBND bác yêu cầu khiếu nại của bà về việc đề nghị UBND huyện A phải lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 248 cho gia đình bà là không đúng quy định, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Bà xác định là thửa đất số 248 là đất khai hoang nên gia đình bà không có giấy tờ nào để chứng minh nguồn gốc đất; từ trước đến nay, gia đình bà không ai tiến hành đăng ký, kê khai thửa đất số 248; không nộp thuế đất và bà cũng không có các giấy tờ theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai để cung cấp cho Tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình bà khiếu nại. Ngoài ra, bà cũng xác định là hiện nay trên thửa đất nói trên, ngoài tre, dừa và 02 ngôi mộ thì gia đình bà không trồng trọt, xây dựng bất kỳ nhà, công trình nào trên đất và chỉ có bà con xung quanh là các nhân chứng có thể chứng minh nguồn gốc đất của gia đình bà.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của Chủ tịch UBND huyện A (viết tắt là QĐ 2505) và yêu cầu UBND huyện A lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 248, tờ bản đồ số 5, diện tích 978,6m^2 tọa lạc tại thôn H1, xã A1, huyện A, tỉnh Bình Định cho bà.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao các quyết định hành chính bị kiện, người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp của những người bị kiện là ông Đỗ Tùng L — Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định trình bày:

Năm 1995, Hội đồng giao quyền sử dụng đất của xã A1, huyện A, tỉnh Bình Định đã cân đối giao quyền của hộ ông Trương Minh H3 và bà Nguyễn Thị H các thửa đất tọa lạc tại thôn H1, xã A1, huyện A, tỉnh Bình Định thể hiện tại sổ địa chính số 01 như sau:

- Thửa đất số 744, tờ bân đồ số 4, diện tích 1.080m^2 (300m^2 đất ở và 780m^2 đất trồng cây lâu năm);

- Thửa đất số 243, tờ bản đồ số 4, diện tích 755m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước.

- Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 4, diện tích 190m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước.

- Thửa đất số 758, tờ bản đồ số 4, diện tích 848m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước.

- Thửa đất số 506, tờ bản đồ số 4, diện tích 703m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước.

- Thửa đất số 410, tờ bản đồ số 4, diện tích 408m^2, loại đất trồng cây hàng năm.

- Thửa đất số 411a, tờ bản đồ số 4, diện tích 116m^2, loại đất trồng cây hàng năm.

Riêng thửa đất số 248 được thống kê vào đất nghĩa địa do UBND xã A1 quản lý và thể hiện tại sổ địa chính số 15; hiện nay, UBND huyện A chưa giao quyền sử dụng thửa đất nói trên cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào.

Ngày 03/8/2018, bà H có đơn khiếu nại yêu cầu UBND huyện A phải lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 248 cho gia đình bà theo quy định của Luật Đất đai. Sau khi tiến hành xác minh, xem xét đối với yêu cầu khiếu nại nói trên của bà H thì ngày 24/9/2018, Chủ tịch UBND huyện A ban hành Quyết định số 2505/QĐ-UBND bác yêu cầu khiếu nại của bà H.

Chủ tịch UBND huyện A và UBND huyện A không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc, yêu cầu Tòa án hủy QĐ 2505 và yêu cầu UBND huyện A lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 248 cho bà H theo quy định của pháp luật về đất đai; bởi lẽ:

- Căn cứ hồ sơ địa chính của xã A1 lập năm 1995 thì thửa đất số 248 đã thống kê vào đất nghĩa địa do UBND xã A1, huyện A quản lý.

- Bà H không cung cấp được các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất Đai; Điều 15 Thông tư 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 17/2015/QĐ-ƯBND ngày 24/7/2015 của ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, Chủ tịch UBND huyện A và UBND huyện A không có trình bày hoặc yêu cầu nào khác.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Nam T — Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A1, huyện A, tỉnh Bình Định trình bày:

UBND xã A1 thống nhất với nội dung trình bày của Chủ tịch UBND huyện A và UBND huyện A. UBND xã A1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu Tòa án hủy QĐ 2505 và yêu cầu UBND huyện A lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 248 cho bà H theo quy định của pháp luật về đất đai; bởi lẽ:

- Căn cứ hồ sơ địa chính của xã A1 lập năm 1995 thì thửa đất số 248 đã thống kê vào đất nghĩa địa do UBND xã A1 quản lý.

- Bà H không cung cấp được các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất Đai; Điều 15 Thông tư 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, UBND xã A1 không có trình bày hoặc yêu cầu nào khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trương Thị Thủy S, chị Trương Thị M, anh Trương Hữu H2, ông Trương Hữu V, anh Trương Hữu T2, ông Trương Minh H3 và ông Nguyễn Minh H4 thống nhất trình bày:

Những người nói trên thống nhất như nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H; ngoài ra, không có trình bày hoặc yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh P trình bày:

Ông là anh ruột của bà Nguyễn Thị H. Ông xác định thửa đất số 248 mà hiện nay bà H đang khiếu nại yêu cầu UBND huyện A phải lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất thổ mộ; không thuộc quyền sở hữu của cha mẹ ông và gia đình ông; thuộc quyền quản lý của Nhà nước và Nhà nước không cấp quyền sử dụng đất cho ai. Hiện nay, ông là người đang hưởng lợi các bụi tre có trên đất.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; ngoài ra, ông không có trình bày hoặc yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H bởi lẽ: thửa đất số 248 mà hiện nay bà H đang khiếu nại yêu cầu UBND huyện A phải lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất thổ mộ, thuộc quyền quản lý của Nhà nước và Nhà nước không cấp quyền sử dụng đất cho ai. Ngoài ra, bà không có trình bày hoặc yêu cầu nào khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2019/HC-ST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tố tụng hành chính;

- Căn cứ vào quy định của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 75/2012/ND-CP ngay 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/BBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngay 24/9/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định và yêu cầu ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 248, tờ bản đồ số 5, diện tích 978,6m^2 tọa lạc tại thôn H1, xã A1, huyện A, tỉnh Bình Định cho bà theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/7/2019 người khởi kiện bà Nguyễn Thị H kháng cáo đề nghị Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 18/2019/HC-ST ngày 19-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền lợi, ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với người khiếu nại là bà Nguyễn Thị H khiếu nại yêu cầu UBND huyện A lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 248 cho bà theo quy định của pháp luật về đất đai. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 thì ông Phạm Văn Nam - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện A ký ban hành quyết định nói trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại.

[2]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H:

[2.1]. Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên phúc thẩm bà Nguyễn Thị H cho rằng thửa đất số 248, tờ bản đồ số 5, diện tích 978,6m^2 tọa lạc tại thôn H1, xã A1, huyện A, tỉnh Bình Định có nguồn gốc do cha mẹ bà là ông Nguyễn Xuân H6, Thái Thị N1 khai hoang từ năm 1972 để trồng cây hàng năm và một số cây dừa. Sau khi cha mẹ bà chết, bà và anh ruột bà là ông Nguyễn Minh P tiếp tục quản lý, sử dụng liên tục cho đến nay 47 năm. Chứng minh cho lời khai, bà Nguyễn Thị H cung cấp lời khai xác nhận của một số nhân chứng là bà Nguyễn Thị X, ông Thái Đăng Ng, bà Trần Thị Tuyết L1, ông Trương Công D1 và các tài sản có trên đất hiện nay: 05 cây dừa, 01 bụi tre và 02 ngôi mộ của gia đình bà.

Tuy nhiên, theo lời khai của ông của ông Nguyễn Minh P (*là anh ruột của bà H*), ông P xác định thửa đất số 248, tờ bản đồ số 5 là đất nghĩa địa và không thuộc quyền sở hữu của cha mẹ ông: "*là đất thổ mộ...*" và "*đất không phải của cha mẹ tôi để lại...*". Lời khai của ông P phù hợp với lời khai của đại diện của người bị kiện và hồ sơ địa chính của UBND xã A1 lập năm 1995: Thửa đất số 248, tờ bản đồ số 5 là đất nghĩa địa do UBND xã A1 quản lý và chưa giao quyền sử dụng cho cá nhân nào; phù hợp với Biên bản xem xét thẩm định, tại chỗ ngày

12/4/2019 thì hiện nay trên thửa đất số 248 có khoảng hơn 12 ngôi mộ là phù hợp với quy hoạch đất của địa phương.

Mặt khác, theo lời khai của các nhân chứng Nguyễn Thị X, Thái Đăng Ng, Trân Thị Tuyết L1 và Trương Công D1 thể hiện các nhân chứng có thấy ông Nguyễn Minh P và cha bà H canh tác trên đất nhưng đến năm 2000 thì diện tích đất này bỏ hoang: "*Cha bà H chết, các con tiếp tục canh tác đến năm 2000 thì bỏ hoang*"; "*Sau khi cha bà H chết thì đất này bị bỏ hoang*". Lời khai của các nhân chứng phù hợp với việc bà Nguyễn Thị T1 canh tác, xây dựng bờ rào và xây dựng nhà trên diện tích đất này và lời khai của ông Nguyễn Minh P về việc ông P sử dụng đất: "*Từ năm 1978 ... vì mồ mả quá nhiều nên tôi cho ông Lê Văn L2 – chồng bà T1 canh tác cho đến nay*". Cho nên, việc bà H cho rằng gia đình bà sử dụng diện tích đất thửa 248, tờ bản đồ số 5 tại thôn H1, xã A1, huyện A ổn định, liên tục cho đến nay là không có căn cứ chấp nhận.

Bên cạnh đó, tại lời trình bày của nhân chứng Trương Công D1 xác định nguồn gốc diện tích đất của thửa 248, tờ bản đồ số 5 là của người khác, không phải của cha, mẹ bà H: "*Nguồn gốc đất đó là của ông L3; ông L3 không có quan hệ gì với bà H và hiện nay ông L3 đã chết*". Lời khai này của ông D1 phù hợp với lời trình bày của ông Trương Hữu V và lời lời trình bày của bà H tại đơn trình bày ngày 26/8/2019: "*Trên đất có 12 ngôi mộ...02 nôi mộ là của gia đình tôi ...các ngôi mộ còn lại là của những người khác là chủ lô đất này từ trước năm 1972"*. Tại Biên bản xem xét thẩm định, tại chỗ ngày 12/4/2019 bà T1 cho rằng 04 cây dừa là do bà T1 trồng; bà H thừa nhận 01 bụi tre và 04 cây dừa có trên đất không phải của gia đình bà H trồng: "*Bụi tre có sẵn từ trước năm 1972…cha bà khai hoang hưởng lợi*" và *"bà H khai ai trồng thì bà không biết nhưng không phải gia đình bà trồng…"*. Do đó, bà H khởi kiện cho rằng nguồn gốc đất do cha mẹ bà khai hoang và cây cối trên đất là của cha mẹ bà là ông Nguyễn Xuân H6, Thái Thị N1 là không đúng.

[2.2]. Hồ sơ vụ án thể hiện bà Nguyễn Thị T1 bị xử phạt hành chính về hành vi "*lấn chiếm đất trái phép*" đối với thửa 248, tờ bản đồ số 5 là hành vi chiếm dụng đất để xây dựng nhà…trên diện tích đất được quy hoạch là đất nghĩa địa, do UBND xã A1 đang quản lý, không phải là lấn chiếm đất thuộc quyền sử dụng của bà H nên việc Bà H cho rằng việc xử lý hành chính đối với bà T1 là căn cứ công nhận quyền sử dụng đất và việc sử dụng đất ổn định của bà H là không đúng.

[2.3]. Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà H ngày 03/8/2018, ngày 07/8/2018 UBND huyện A ra thông báo thụ lý đơn khởi kiện số 1008a/TB-UBND; đến ngày 08/8/2018, Chủ tịch UBND huyện A ra quyết định số 1620a/QĐ-UBND giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A xác minh, làm rõ sự việc và qua sự việc đã được xác minh, Phòng Tài nguyên Môi trường huyện A đã tiến hành tổ chức đối thoại vào ngày 11/9/2018 và lập báo cáo kết quả số 42/TN&MT ngày 18/9/2018 cho UBND huyện A; trên cơ sở kết quả xác minh, đối thoại và báo cáo của phòng tài nguyên môi trường huyện A, Chủ tịch UBND huyện A ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại của bà H số

2505/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 là đúng quy định tại Điều 27, Điều 28, điểm b, khoản 1 Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Luật khiếu nại.

[3]. Bà Nguyễn Thị H không có một trong các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và như đã phân tích nêu trên, nguồn gốc đất không phải của gia đình bà H; gia đình bà H và bà H không sử dụng đất liên tục, ổn định; hồ sơ địa chính của UBND xã A1 lập năm 1995 thì Thửa đất số 248, tờ bản đồ số 5 là đất nghĩa địa hiện do UBND xã A1 quản lý và cây cối trên đất vẫn còn tranh chấp.

Ngoài ra, năm 1995 vợ chồng bà H đã được Nhà nước cân đối quyền sử dụng đất theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và tại thời điểm này, bà H cũng không kê khai thửa đất 248 theo quy định của Luật đất đai.

Do đó, Quyết định giải quyết khiếu nại số 2505/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của Chủ tịch UBND huyện A không chấp nhận khiếu nại của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 100 và khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Khoản 5 Điều 20 và khoản 1, 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013.

[4]. Với các nhận định nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo là bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và giữ y bản án hành chính sơ thẩm;

Căn cứ vào Điều 27, Điều 28, điểm b, khoản 1 Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Luật khiếu nại; Điều 100 và khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Khoản 5 Điều 20 và khoản 1, 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngay 24/9/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định và yêu cầu ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 248, tờ bản đồ số 5, diện tích 978,6m^2 tọa lạc tại thôn H1, xã A1, huyện A, tỉnh Bình Định.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 03671 ngày 10/7/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

3. Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm và về chi phí tố tụng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra III - TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, LT, P.HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Phước Thanh